TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 928/2025/DSST
Ngày: 11/6/2025
V/v:"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Vương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Cao Quốc Hưng

2. Bà Nguyễn Thị Chi

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Trí – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Lê Quang Đ - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 2205/2024/TLST-DS ngày 31/10/2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3341/2025/QĐXXST-DS ngày 16/4/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 4424/2025/QĐST-DS ngày 14/5/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S

Địa chỉ: số 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn B (Theo Giấy ủy quyền ngày 25/9/2024).

(Ông B có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Bị đơn: Bà Trần Thị Ngọc H, sinh năm 1993

Thường trú: Ấp Tà Lọt C, xã Thạnh Trị, huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

Nơi ở (ghi nhận theo Hợp đồng): 131/8 Đường số 9, phường Linh Tây, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

(bà H vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong Đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn là Ngân hàng TMCP S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) trình bày:

Ngày 30/11/2022, bà Trần Thị Ngọc H có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 40.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 29,8%/năm (tương đương 2.48%/tháng). Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà Trần Thị Ngọc H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 399.036.000 đồng.

Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Bà Trần Thị Ngọc H phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 25 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà Trần Thị Ngọc H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 361.936.150 đồng. Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 21 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau:

+ Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước

+ Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước

+ Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước

+ Các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ

+ Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ

+ Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà Trần Thị Ngọc H vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà Trần Thị Ngọc H vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 06/01/2024 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24.4 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 44.138.900 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Tính đến ngày 22/01/2025, bà Trần Thị Ngọc H còn nợ các khoản sau (chi tiết lãi quá hạn, dư nợ trong sao kê tóm tắt đính kèm):

• Nợ gốc: 44.138.900 đồng

• Lãi quá hạn: 20.979.208 đồng

• Tổng cộng : 65.118.108 đồng

Số tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc 44.138.900 đồng với lãi suất quá hạn là 3.72%/ tháng (2.48%* 150%) từ ngày ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn cho đến hiện tại.

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với bà Trần Thị Ngọc H, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên bà Trần Thị Ngọc H vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc bà Trần Thị Ngọc H phải trả ngay cho Ngân Hàng TMCP S tổng số tiền nêu trên; bà Trần Thị Ngọc H có trách nhiệm tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 23/01/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

2. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh nơi cư trú, thực hiện niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng đối với bà Trần Thị Ngọc H để tham gia tố tụng trong vụ án nhưng bà H không có mặt tại Tòa án nên không có ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Nguyên đơn có người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Văn B đã nộp đơn xin xét xử vắng mặt và có bản tự khai, bản tóm tắt sao kê với thẻ tín dụng của bà H tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 72.786.748 đồng; trong đó: dư nợ gốc là 44.138.900 đồng; Lãi quá hạn: 28.647.848 đồng. Bà H có trách nhiệm tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Bị đơn vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến gửi đến Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án nguyên đơn tham gia tố tụng tại tòa án thực hiện đúng qui định tại Điều 70, Điều 71, Điều 76 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Đối với bị đơn: Chưa thực hiện đúng qui định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số nợ gốc, lãi phát

sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết; Bị đơn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Nguyên đơn cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ thanh toán.

Án phí sơ thẩm: Bị đơn phải đóng án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như phiên tòa sơ thẩm, Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng để triệu tập hợp lệ đối với bị đơn là bà Trần Thị Ngọc H đến Tòa án những bà H không có mặt tại Tòa để tham gia tố tụng trong vụ án, không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt không lý do lần thứ hai tại phiên tòa xét xử sơ thẩm. Nguyên đơn có người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Văn B có đơn xin yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự trong vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 237, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về nội dung vụ án:

2.1 Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngày 27/9/2024, Ngân hàng TMCP S có đơn khởi kiện đối với bà Trần Thị Ngọc H về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" tại Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Theo kết quả xác minh nơi cư trú: Phiếu xác minh đề ngày 19/12/2024, Công an phường Linh Tây, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp thông tin không có ai tên Trần Thị Ngọc H cư trú; Phiếu trả lời xác minh đề ngày 10/02/2025 Công an xã Thạnh Trị, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng cung cấp thông tin bà Trần Thị Ngọc H có hộ khẩu cư trú tại địa phương nhưng không thực tế cư trú, đi làm ăn xa (không rõ nơi làm việc) và ngày 19/6/2022, Công an phường Thuận Giao, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương có gửi phiếu xác minh để đăng ký cư trú cho bà H tại địa chỉ A20/16, khu phố Bình Thuận 2, phường Thuận Giao, tỉnh Bình Dương; Phiếu xác minh đề ngày 26/02/2025, Công an phường Thuận Giao, tỉnh Bình Dương cung cấp thông tin bà H có cư trú tại địa chỉ nêu trên đến tháng 9/2024 đã chuyển đi, không rõ đi đâu, làm gì. Vì vậy, nguyên đơn căn cứ theo địa chỉ của bà H cung cấp tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng là có căn cứ xác định nguyên đơn đã cung cấp đúng địa chỉ của bị đơn. Bà H thay đổi địa chỉ chỗ ở nhưng không thông báo với chính quyền địa phương và Ngân hàng (người mình có nghĩa vụ) thì được coi là cố tình giấu địa chỉ theo điểm b khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2 Xét yêu cầu của đương sự:

Xét yêu cầu của Ngân hàng TMCP S về việc buộc bà Trần Thị Ngọc H phải trả số tiền tạm tính đến thời điểm xét xử ngày 11/4/2025 là 72.786.748 đồng; trong đó: dư nợ gốc là 44.138.900 đồng; Lãi quá hạn: 28.647.848 đồng đồng. Bà H có trách nhiệm tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng. Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng cung cấp gồm: Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân số 378/2022/TTD ngày 30/11/2022 và văn bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng, bảng sao kê tín dụng, có căn cứ xác định bà Trần Thị Ngọc H được Ngân hàng TMCP S cấp thẻ tín dụng với số thẻ 436438-2173. Do quá trình sử dụng thẻ, bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng của bà H kể từ ngày 06/01/2024, chốt số nợ gốc là 44.138.900 đồng và chuyển toàn bộ số dư nợ sang nợ quá hạn.

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao và các mục 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24 và 25 bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S (có hiệu lực từ 29/11/2019) thì bà Trần Thị Ngọc H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận, nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc bà H phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến thời điểm xét xử là 72.786.748 đồng; trong đó: dư nợ gốc là 44.138.900 đồng; Lãi quá hạn: 28.647.848 đồng, trả ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, số tiền lãi sẽ được tiếp tục tính với lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng đến khi thi hành án xong là có cơ sở chấp nhận.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, tiền lãi nợ quá hạn được tiếp tục phát sinh theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân số 378/2022/TTD ngày 30/11/2022; văn bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S được ký kết giữa Ngân hàng và bà H.

2.3 Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Tòa án nên được chấp nhận toàn bộ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UB-TVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn là Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã đóng. Bị đơn là bà Trần Thị Ngọc H phải chịu án phí theo quy định pháp luật trên số tiền của nguyên đơn khởi kiện được Tòa án chấp nhận, cụ thể là 3.639.337 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 153, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Tuyên xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP S.

Buộc bà Trần Thị Ngọc H phải trả cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền tạm tính đến ngày 07/3/2025 là 72.786.748 (bảy mươi hai triệu bảy trăm tám mươi sáu ngàn bảy trăm bốn mươi tám) đồng; trong đó: dư nợ gốc là 44.138.900 đồng; Lãi quá hạn: 28.647.848 đồng, trả ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, tiền lãi nợ quá hạn được tiếp tục phát sinh theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân số 378/2022/TTD ngày 30/11/2022; văn bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S được ký kết giữa Ngân hàng và bà H.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn là Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí, được hoàn lại số tiền đã đóng là 1.443.084 (một triệu bốn trăm bốn mươi ba ngàn không trăm tám mươi tư) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0044750 ngày 29/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn là bà Trần Thị Ngọc H phải chịu án phí theo quy định pháp luật là 3.639.337 (ba triệu sáu trăm ba mươi chín ngàn ba trăm ba mươi bảy) đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Thi hành án tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, 7a Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND TP.Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP.Thủ Đức;
- Chi cục THADS Quận 3;
- Các đương sự;
- Lưu VP và hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Minh Vương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Quốc Hưng **Nguyễn Thị Chi** **Phạm Minh Vương**